ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55 /ĐA-UBND	*Tân Yên, ngày 02 tháng 3 năm 2022*

ĐỀ ÁN
Phát triển sâm Nam núi Dành trên địa bàn huyện Tân Yên giai đoạn 2022-2027

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong những năm qua, huyện Tân Yên đã chỉ đạo, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu cây trồng, đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng. Đến nay, huyện Tân Yên đã xây dựng và phát triển được một số sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện và được đưa vào trong số sản phẩm tiêu biểu của tỉnh Bắc Giang. Từ năm 2015 đến nay, huyện đã chỉ đạo phát triển cây dược liệu, trong đó có cây Sâm Nam tạo ra sản phẩm có thể trở thành một trong những sản phẩm đặc trưng của huyện; đồng thời, khai thác có hiệu quả tiềm năng về đất đai, lợi thế từng vùng.

Sâm nam núi Dành từ lâu được coi như một loại thần dược, đã có cách đây khoảng hơn nghìn năm. Trong sách ”Đại Nam nhất thống chí”, có ghi ”Sâm nam sẵn ở đỉnh núi Chung Sơn. Cỏ thi cũng có ở đỉnh Chung Sơn”. Núi Chung Sơn được nhắc tới đó là núi Dành ngày nay, phần lớn thuộc địa phận xã Liên Chung, phần còn lại thuộc địa phận xã Việt Lập. Cây sâm nam núi Dành được tìm thấy tại khu vực ven sườn núi Dành, có nhiều công dụng dược liệu, bồi bổ cơ thể nên đã được một số hộ dân mang về trồng và tự nhân giống tại địa bàn xã Liên Chung và Việt Lập chủ yếu để phục vụ nhu cầu sử dụng tại gia đình.

Trong thời gian vừa qua, diện tích trồng sâm nam núi Dành đã được mở rộng lên 24 ha, chủ yếu tại các xã Việt Lập, Liên Chung, An Dương, Quang Tiến, trong đó diện tích cho thu hoạch củ là 2,5 ha, cho thu hoạch hoa là 15 ha, sản phẩm chủ yếu dùng để tiêu dùng tại địa phương, hiệu quả kinh tế đạt khoảng 5 tỷ đồng/ha/chu kỳ khai thác 5 năm. Đồng thời, đã có một số doanh nghiệp, cá nhân vào địa bàn liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tuy nhiên do chu kỳ sản xuất dài, nên sản phẩm Sâm hiện nay còn chưa đủ cung cấp cho thị trường, chưa hình thành vùng nguyên liệu lớn, nên cần được mở rộng diện tích để phát triển trong thời gian tới.

Qua tìm hiểu thực tế từ một số hộ sản xuất, hiện nay giống Sâm Nam Núi Dành có một số loại hình thái là: có 3 lá chét, loại 5 lá chét nhưng đều có các hoạt chất và công dụng tương đương nhau. Trước đây, nguồn giống sâm Nam núi Dành chủ yếu do một số hộ dân địa bàn xã Việt Lập, Liên Chung nhân ươm giống bằng phương pháp vít cành, giâm hom để trồng tại địa phương. Năm 2021, Trung

tâm Giống cây ăn quả Bắc Giang đã tiến hành nghiên cứu thành công và chuyển giao công nghệ nhân giống bằng phương pháp giâm hom và quy trình sản xuất sâm Nam núi Dành, dự kiến trong thời gian tới đơn vị tiếp tục nhân ươm giống bằng phương pháp nuôi cấy in-vitro để đảm bảo nguồn giống cung ứng, mở rộng diện tích sản xuất sâm nam núi Dành trên địa bàn huyện Tân Yên.

Chất lượng của sâm Nam núi Dành phụ thuộc vào độ tuổi của cây và một số hoạt chất chính cao hơn một số giống sâm khác: Theo kết quả nghiên cứu của Viện Di truyền nông nghiệp (năm 2018) và Trung tâm Giống cây ăn quả Bắc Giang (năm 2020) về phân tích một số nhóm chất chính trong mẫu củ và hoa sâm có chứa các chất gồm saponin, flavonoid, acid hữu cơ, acid amin, saccharid, Hàm lượng saponin của cây sâm Nam núi Dành tương đương sâm Hàn Quốc và bằng 30% sâm Ngọc Linh của tỉnh Quảng Nam. Tuổi của cây sâm càng cao thì hàm lượng các hoạt chất này càng cao, giá trị kinh tế càng cao. Hoạt chất Saponin trong sâm có tác dụng dược tính cung cấp nhiều dưỡng chất quý cho cơ thể như axit amin, vitamin, khoáng chất, dầu thơm… giúp tăng cường sinh lực, tăng khả năng miễn dịch, ngăn ngừa lão hóa, làm long đờm, chữa ho,... Hiện nay, sản phẩm sâm Nam đã được Cục sở hữu trí tuệ cấp chứng nhận chỉ dẫn địa lý "Núi Dành" trên địa bàn 2 xã Liên Chung và Việt Lập và sản phẩm sâm nam Núi Dành khô được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đạt hạng 4 sao năm 2021.

Có thể nói sâm Nam núi Dành là một loại sâm quý có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng đất đồi núi, vàn cao của huyện, có giá trị về kinh tế, y dược, xã hội; phát triển sản xuất sâm Nam Núi Dành tại huyện trước hết để bảo tồn giống Sâm, xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến dưới dạng sản phẩm tinh, có giá trị cao,...Xuất phát từ thực tế trên, UBND huyện xây dựng ***Đề án "phát triển sâm nam núi Dành trên địa bàn huyện Tân Yên giai đoạn 2022-2027"*** nhằm tiếp tục đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng sản phẩm sâm nam được trồng trên địa bàn huyện; hoàn thiện quy trình sản xuất, nhân giống sâm Nam Núi Dành tại địa bàn để quản lý nguồn giống chất lượng, phục vụ cho nhu cầu sản xuất tại huyện; từng bước hình thành mô hình du lịch sinh thái gắn với du lịch tâm linh; mở rộng quảng bá, giới thiệu sản phẩm sâm Nam núi Dành, hướng tới sản phẩm sâm Nam có thể là một trong số sản phẩm Quốc Gia được đông đảo khách trong nước và quốc tế biết đến.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Trồng trọt năm 2018; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính, Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày

30/3/2018 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/04/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Nghị quyết số 111-NQ/TU, ngày 11/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Nghị quyết 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành theo Nghị quyết 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 45/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về Ban hành Quy định nội dung, mức chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 3228/QĐ-SHTT, ngày 02/8/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00108 cho sâm Nam núi Dành.

- Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 05/3/2021 của UBND huyện về phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025.

III. MỤC TIÊU

- Xây dựng, mở rộng diện tích sâm nam núi Dành tại một số xã: Việt Lập, Liên Chung, An Dương, Quang Tiến, TT Cao Thượng, Hợp Đức, Tân Trung,

Liên Sơn, Hợp Đức, Cao Xá, Phúc Sơn...: Đến năm 2027, diện tích trồng mới 100 ha; phấn đấu đến năm 2030 đạt trên 150 ha.

- Hoàn thiện quy trình nhân giống sâm nam núi Dành, tuyên truyền, khuyến cáo người dân tiếp thu, áp dụng, chủ động nguồn giống chất lượng phục vụ sản xuất tại địa bàn và các vùng lân cận.

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình sản xuất sâm Nam núi Dành bán tự nhiên và thâm canh phù hợp với điều kiện thực tế tại huyện.

- Xây dựng, nhân rộng mô hình liên kết sản xuất sâm Nam núi Dành theo chuỗi liên kết, tạo điều kiện để các doanh nghiệp vào địa bàn tiêu thụ sản phẩm; từng bước ứng dụng công nghệ bảo quản, sơ chế, chế biến sản phẩm, tạo sản phẩm đa dạng cung cấp ra thị trường.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, phát triển và xây dựng thương hiệu sản phẩm hàng hóa từ sâm nam núi Dành, để sản phẩm sâm Nam núi Dành sớm được cộng nhận là sản phẩm Quốc gia.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch

Tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch vùng sản xuất dược liệu huyện, đưa cây sâm Nam núi Dành vào trồng tập trung trên đất đồi, đất bãi đã được quy hoạch theo Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về phê duyệt kết quả xây dựng "Bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"; phù hợp với vùng phát triển du lịch sinh thái, du lịch tâm linh; theo Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng hàng năm được phê duyệt.

Tăng cường công tác quản lý và thực hiện quy hoạch, thực hiện nghiêm túc việc đăng ký, thiết lập hồ sơ quản lý đối với diện tích trồng sâm Nam núi Dành trên diện tích đã chuyển đổi sang trồng cây lâu năm trong thời gian vừa qua. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân trồng cây sâm Nam núi Dành thành vùng tập trung, phù hợp với lợi thế của địa phương, có thị trường tiêu thụ ổn định, không để người dân sản xuất tự phát.

Tiếp tục rà soát, có kế hoạch đầu tư hỗ trợ hạ tầng liên vùng, liên xã phục vụ vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao; rà soát, bổ sung quy hoạch, tạo quỹ đất xây dựng cơ sở đóng gói, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm, nâng cao giá trị sản xuất.

(chi tiết theo biểu số 1 đính kèm)

2. Tăng cường chuyển giao, ứng dụng KHCN, đào tạo tập huấn KHKT cho nông dân sản xuất

Tăng cường chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về công nghệ nhân giống bằng các phương pháp: giâm hom, vít cành, nuôi cấy invitro ,... để tạo ra

cây giống có chất lượng, đạt tiêu chuẩn sản xuất, đáp ứng nhu cầu nguồn giống để mở rộng vùng nguyên liệu; áp dụng các quy trình sản xuất an toàn theo chuỗi khép kín, hiện đại, áp dụng công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ vào sản xuất. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các khâu trong chuỗi liên kết; tích cực áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến tạo ra sản phẩm đảm bảo chất lượng, có ưu thế cạnh tranh.

Chủ động phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, các trung tâm chuyển giao khoa học công nghệ xây dựng các mô hình thử nghiệm, mô hình trình diễn, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất; đánh giá chất lượng sâm Nam núi Dành từ năm thứ 3 trở đi để có cơ sở định hướng, phát triển sản xuất trong thời gian tiếp theo.

3. Đẩy mạnh tích tụ ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển sâm nam núi Dành gắn với du lịch tâm linh, du lịch sinh thái

Tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tận dụng lợi thế từng vùng, khuyến khích người dân chuyển đổi sản xuất đối với diện tích sản xuất kém hiệu quả; khuyến khích, tạo cơ chế, thủ tục hành chính trong tích tụ đất, thuê mượn đất để mở rộng sản xuất; xây dựng mô hình trang trại trồng cây sâm Nam núi Dành, trang trại tổng hợp, gắn với phát triển du lịch sinh thái tại địa bàn. Tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp vào địa bàn liên kết sản xuất gắn với sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm; hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất, ứng dụng cơ giới hóa và các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao giá trị sản xuất và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Đối với khu vực giáp ranh với Khu du lịch tâm linh cần phải quy hoạch, thiết kế vùng trồng, áp dụng kỹ thuật sản xuất thâm canh, tiên tiến, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Đối với các xã vành đai thuộc địa bàn núi Dành với các xã lân cận, có kế hoạch mở rộng diện tích sản xuất, sản xuất tập trung, áp dụng quy trình sản xuất an toàn, tạo ra sản phẩm chất lượng cung cấp ra thị trường. Từng bước hình thành các điểm trưng bày, giới thiệu, bán sản phẩm sâm nam núi Dành tại Khu trung tâm huyện, các xã, khu du lịch sinh thái, tâm linh trên địa bàn huyện.

4. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các Tổ, Nhóm hộ sản xuất, HTX; tiếp tục xây dựng, nhân rộng mô hình chuỗi liên kết sản xuất sâm Nam núi Dành phát triển bền vững

Đẩy mạnh, khuyến khích sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, có sự tham gia của doanh nghiệp. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ nhân sự, quản lý bộ máy của HTX, Tổ hợp tác trên địa bàn. Tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất sâm nam núi Dành theo chuỗi liên kết, tạo lòng tin giữa doanh nghiệp với người dân. Ưu tiên doanh nghiệp đầu tư, đưa công nghệ bảo

quản, chế biến sau thu hoạch, liên kết tiêu thụ sản phẩm từ sâm Nam núi Dành nhằm nâng cao giá trị sản phẩm.

Phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế trang trại, trang trại tổng hợp, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, tích cực tham gia vào chuỗi liên kết, sản xuất ổn định; nâng hiệu quả mô hình phát triển kinh tế hộ, nhóm hộ, tổ, hội sản xuất để tập trung ruộng đất và tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung chuyên canh, xây dựng vùng nguyên liệu để thu hút doanh nghiệp vào địa bàn liên kết tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nông dân; đào tạo, tập huấn, hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với thị trường và các dịch vụ KHCN, sàn thương mại điện tử; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, nghiệp vụ quản lý, tổ chức điều hành cho các HTX, Tổ sản xuất, chủ vườn từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững.

5. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong sản xuất

Tăng cường quản lý nhà nước về giống, phân bón, thuốc BVTV và các hóa chất sử dụng trong sản xuất; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định của quy trình sản xuất; định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng an toàn đáp ứng thị trường tiêu thụ.

Có giải pháp linh hoạt, tạo điều kiện tốt nhất để các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính thuê mượn đất, tích tụ ruộng đất; thực hiện Dự án sản xuất sâm Nam núi Dành gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện.

Làm tốt vai trò trung gian trong việc kết nối, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, phân xử quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia vào chuỗi liên kết.

Nâng cao nhận thức thức trách nhiệm của các tổ chức trong việc sử dụng và quản lý nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã được cấp và sử dụng; các sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP; xử lý nghiêm đối với tổ chức (cá nhân) có hành vi vi phạm các quy định về sử dụng thương hiệu, nhãn hiệu, làm nhái mẫu mã bao bì sản phẩm không đúng với nguồn gốc xuất xứ lưu thông trên thị trường.

6. Bảo vệ, phát triển và quản lý nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm sâm nam núi Dành

Tăng cường công tác quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm sâm nam núi Dành, bảo tồn duy trì và nâng cao chất lượng các giống sâm Nam sản xuất trên địa bàn huyện.

Tiếp tục lựa chọn tổ chức, cá nhân có ý tưởng lựa chọn sản phẩm chế biến từ sâm Nam núi Dành tham gia chương trình OCOP; thiết kế, nâng cấp mẫu mã bao bì đóng gói sản phẩm; đẩy mạnh nâng cao chất sản phẩm gắn với thương hiệu, uy tín của doanh nghiệp tham gia chuỗi liên kết. Tạo điều kiện, cơ hội để các tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh trưng bày giới thiệu sản phẩm của huyện để mọi người dân trên cả nước biết, sử dụng.

Thu thập thông tin, phát triển thị trường để định hướng kế hoạch sản xuất và xúc tiến thương mại phù hợp. Hình thành một số điểm giới thiệu sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn huyện.

7. Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, vận động nhân dân mở rộng phát triển sản xuất nâng cao hiệu quả kinh tế

Ủy ban MTTQ, các ban, ngành, đoàn thể huyện tích cực tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tận dụng đất đai, tiếp thu giống sâm nam núi Dành có giá trị đưa vào trồng. Chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan thông tin kịp thời đến hội viên về cơ chế, chính sách của nhà nước hỗ trợ phát triển sản xuất sâm nam núi Dành, lợi ích của cây sâm Nam núi Dành; tích cực tiếp thu, áp dụng biện pháp kỹ thuật sản xuất thâm canh, tiên tiến vào sản xuất; tiếp cận nguồn vốn từ các Quỹ hội, sử dụng linh hoạt có hiệu quả để thực hiện Đề án, phấn đấu sâm nam núi Dành thành sẽ trở thành một trong những sản phẩm Quốc gia trong thời gian tới.

8. Giải pháp về kinh phí:

- Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ thực hiện Đề án giai đoạn 2022-2027 là 9.030 triệu đồng (*Chín tỷ, không trăm ba mươi triệu đồng chẵn)*.

Trong đó: Năm 2022: 2.150 triệu đồng
Năm 2023: 2.840 triệu đồng
Năm 2024: 2.190 triệu đồng
Năm 2025: 300 triệu đồng
Năm 2026: 300 triệu đồng,
Năm 2027: 1.250 triệu đồng.

(chi tiết theo biểu số 2 đính kèm)

- Nguồn kinh phí thực hiện: Từ kinh phí sự nghiệp nông nghiệp, hỗ trợ bảo vệ đất lúa hàng năm và nguồn vốn lồng ghép khác.

V. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả kinh tế

Đề án được triển khai thực hiện góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân, sản phẩm đóng góp vào nguồn dược liệu quý đươc đông đảo người dân sử dụng.

Củ sâm Nam càng có tuổi đời cao giá trị kinh tế thu lại càng lớn; năng suất trung bình của sâm từ 4-5 năm tuổi đạt 1-1,3 kg củ/gốc; hiện nay, giá bán bình quân củ sâm loại 1 được bán tươi với giá 1,5 - 2 triệu/kg, ngoài ra, hoa sâm Nam được thu hái, sấy xuất bán với giá trung bình 300.000đ/kg. Giá trị kinh tế sau khi trừ chi phí thì lợi nhuận đạt TB 5 tỷ đồng/ha/chu kỳ sản xuất.

2. Hiệu quả xã hội

Đề án được triển khai thực hiện sẽ khai thác tối đa nguồn đất đai sẵn có, tạo công ăn việc làm, góp phần nâng cao giá trị sản xuất, hiệu quả kinh tế cho người dân nông thôn. Cung cấp cho thị trường các sản phẩm dược liệu có chất lượng tốt,

đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm để bồi bổ, nâng cao sức khỏe, chữa bệnh, từ đó góp phần bảo vệ, nâng cao sức khoẻ con người đảm bảo an sinh xã hội.

Nâng cao nhận thức, thay đổi tập quán canh tác của người sản xuất, chuyển từ sản xuất manh mún, nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung với quy mô lớn, có liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị; kết hợp với phát triển du lịch tâm linh, du lịch sinh thái nhằm thay đổi diện mạo nông thôn trên địa bàn toàn huyện.

3. Hiệu quả môi trường

Phát triển sản xuất sâm nam núi Dành góp phần bảo tồn và nhân rộng nguồn dược liệu quý, phủ xanh đất trống, đồi hoang hóa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo một nền nông nghiệp sạch, an toàn, có lợi cho sức khoẻ con người và môi trường sinh thái.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp&PTNT huyện

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các xã thị trấn tổ chức triển khai thực hiện đề án này; hướng dẫn, kiểm tra việc mở rộng phát triển vùng sản xuất sâm nam núi Dành theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt;

Phối hợp với Phòng TC-KH tham mưu kinh phí đảm bảo thực hiện hàng năm, hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán nguồn kinh phí được hỗ trợ cho các đối tượng tham gia thực hiện đúng quy định.

Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện, kịp thời tham mưu các biện pháp để khắc phục, tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện đề án.

2. Phòng TC-KH huyện: Tham mưu, bố trí nguồn kinh phí thực hiện Đề án; hướng dẫn, thẩm định dự toán kinh phí thực hiện đề án đảm bảo kịp thời; hướng dẫn thiết lập hồ sơ thanh quyết quyết toán kinh phí hỗ trợ đảm bảo chặt chẽ, theo đúng quy định.

3. Phòng KT&HT huyện: Làm tốt công tác quản lý việc sử dụng chỉ dẫn địa lý, tem, nhãn bao bì sản phẩm; tăng cường quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại, nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Tăng cường kêu gọi các doanh nghiệp vào địa bàn đầu tư, thẩm định các Dự án đầu tư sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch đối với các Dự án được phê duyệt.

4. Phòng TN&MT huyện: Phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các xã thị trấn hướng dẫn các chủ thể trong quá trình tích tụ đất, thuê mượn đất đảm bảo đúng quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương.

5. Phòng VH&TT, Trung tâm VHTT&TT huyện: Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất sâm Nam núi Dành; xây dựng các chuyên mục tuyên truyền, trong đó tập trung vào các mô hình sản xuất sâm Nam tiêu biểu, sản xuất tập trung, quy mô lớn gắn với tích tụ đất đai, sản xuất theo chuỗi liên kết; giới thiệu, quảng bá sản phẩm sâm Nam núi Dành, hỗ

trợ đưa sản phẩm sâm Nam, chế biến từ sâm Nam lên sàn TMĐT để đông đảo mọi người biết, tin dùng.

6. Trung tâm Dịch vụ-KTNN huyện: Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các nội dung, cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước trong đề án; chuyển giao khoa học kỹ thuật, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, phòng trừ sâu bệnh đảm bảo theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng, mẫu mã, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

7. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH huyện: Tích cực tuyên truyền đến toàn thể đoàn viên, hội viên về lợi ích và hiệu quả của Đề án; vận động hội viên tích cực tiếp thu, tham gia thực hiện Đề án phát triển và nâng cao chất lượng sản xuất sâm nam trên đia bàn.

8. UBND các xã thị trấn

Căn cứ nhu cầu thực tế, tiềm năng thế mạnh của địa phương, tổ chức rà soát, khảo sát, khoanh vùng, lựa chọn các hộ, nhóm hộ có nhu cầu tham gia sản xuất theo nội dung Đề án. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình chỉ đạo triển khai thực hiện để Đề án đạt hiệu quả cao nhất.

Thông báo, tuyên tuyền các chủ trương, nội dung đề án đến nhân dân để các tổ chức, cá nhân và nông dân biết triển khai thực hiện. Chủ động bố trí ngân sách hỗ trợ phát triển sản xuất, nhất là đối với diện tích sản xuất tập trung. Tăng cường quản lý, hỗ trợ, tạo điều kiện, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tích tụ đất, thuê mượn đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng thực hiện thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định để sản xuất sâm nam núi Dành đạt hiệu quả.

Hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Phòng NN&PTNT) theo quy định.

Trên đây là Đề án "phát triển sâm nam núi Dành trên địa bàn huyện Tân Yên giai đoạn 2022-2027", đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Thường trực HU, HĐND, UBND huyện;
- Các đơn vị liên quan;
- Trung tâm VHTT&TT huyện (tuyên truyền);
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVNN;
- Lưu: NN, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN T. BẮC GIANG

Nguyễn Viết Toàn

BIỂU 1: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CÂY SÂM NAM NÚI DÀNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN YÊN GIAI ĐOẠN 2022- 2027

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của UBND huyện Tân Yên)

TT	Xã thị trấn	Diện tích trồng mới giai đoạn 2022-2027 (ha)	Chia ra các năm (ha)						Ghi chú
			Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
1	An Dương	3,0	1,0	1,0	1,0				
2	Cao Xá	2,0		1,0	1,0				
3	Hợp Đức	2,0	0,5	0,5	0,5	0,5			
4	Lan Giới	2,0	0,5	0,5	0,5	0,5			
5	Liên Chung	44,0	10,0	14,5	12,5	3,0	2,0	2,0	
6	Liên Sơn	4,0	1,0	1,0	1,0	1,0			
7	Ngọc Vân	3,0		1,0	1,0	1,0			
8	Quang Tiến	3,0	1,0	1,0	0,5	0,5			
9	Phúc Sơn	2,0	1,0	1,0					
10	Tân Trung	3,0	0,5	1,0	1,0	0,5			
11	TTCT	2,0	0,5	0,5	0,5	0,5			
12	Việt Lập	30,0	5,0	8,0	7,5	3,0	4,5	2,0	
Tổng		**100,0**	**21,0**	**31,0**	**27,0**	**10,5**	**6,5**	**4,0**	

BIỂU 2: KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN SÂM NAM NÚI DÀNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2022-2027

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của UBND huyện Tân Yên)

TT	Nội dung thực hiện	Tổng tiền (Đ)	Trong đó chia ra các năm (đồng)						Ghi chú
			Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
1	Hỗ trợ cây sâm giống thực hiện nhân rộng vùng sản xuất sâm nam núi Dành tập trung từ 0,1 ha/vùng trở lên (10000 cây/ha x 50 ha x 26000 đồng/cây x 50%)	6.500.000.000	1.950.000.000	2.600.000.000	1.950.000.000				
2	Hỗ trợ hệ thống tưới tự động quy mô từ 0,5 ha/hệ thống/hộ (hỗ trợ 40% kinh phí, không quá 20 triệu đồng/hệ thống)	560.000.000	60.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	
3	Hỗ trợ kiểm nghiệm mẫu đánh giá chất lượng sản phẩm	1.160.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	50.000.000	50.000.000	1.000.000.000	
4	Tập huấn, chuyển giao KHKT, học tập kinh nghiệm	270.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	
5	Hỗ trợ công tác tuyên truyền, quảng bá giới thiệu sản phẩm	300.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	
6	Hỗ trợ công tác quản lý, chỉ đạo Đề án	120.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	
Tổng		**9.030.000.000**	**2.150.000.000**	**2.840.000.000**	**2.190.000.000**	**300.000.000**	**300.000.000**	**1.250.000.000**	